

Gồm 12 đường kinh, xếp theo thứ tự tuân hoàn kinh khí:

1. Thủ Thái Âm Phù Kinh.

2. Thủ Dõng Minh Đài Trung Kinh.

3. Túc Dõng Minh Võ Kinh.

4. Túc Thái Âm Tỷ Kinh.

5. Thủ Thiếu Âm Tâm Kinh.

6. Thủ Thái Dõng Tiếu Trung Kinh.

7. Túc Thái Dõng Bàng Quang Kinh.

8. Túc Thiếu Âm Thận Kinh.

9. Thủ Quyết Âm Tâm Bào Kinh.

10. Thủ Thiếu Dõng Tam Tiêu Kinh.

11. Túc Thiếu Dõng Đõm Kinh.

12. Túc Quyết Âm Can Kinh.

Quan Hỗ Cứa Kinh Lộ c

Tuy phân chia ra làm 12 kinh với 12 tên gọi khác nhau nhưng giờ a 12 kinh luôn có sự liên lõi m恁 t thiêt või nhau:

1) Quan Hỗ Âm Dõng :

Theo cách phân chia này, có thể dùng âm dõng làm nền tảng để phân chia kinh lộ c:

1.a- Theo Vị Trí

+ Những kinh Âm chảy ở phía trong tay, chân gọi là túc tam âm (Phú, Tâm Bào, Tâm) và túc Tam âm (Thần, Can, Tỷ). Từ đó ta có tên gọi: Túc Thái Âm Phú Kinh, Túc Thiếu Âm Tâm Kinh, Túc Quyết Âm Tâm Bào Kinh và Túc Thái Âm Tỷ Kinh, Túc Thiếu Âm Thần Kinh, Túc Quyết Âm Can Kinh.

+ Những kinh dõng chảy theo phía ngoài chân tay gọi là túc tam dõng (Đại trung, Tam Tiêu, Tiểu Trung) và túc tam dõng (Bàng Quang, Võ, Đõm). Từ đó có tên gọi: Túc Thái Dõng Tiểu Trung Kinh, Túc Thiếu Dõng Tam Tiêu Kinh, Túc Dõng Minh Đại Trung Kinh và Túc Thái Dõng Bàng Quang Kinh, Túc Thiếu Dõng Đõm Kinh, Túc Dõng Minh Võ Kinh.

Theo cách phân chia này, có 6 cặp kinh âm và 6 cặp kinh dõng, chia khác nhau về trí tay hoặc chân mà thôi.

1.b- Quan Hỗ Âm Dõng Nghêch Khí

Quan hệ này dựa theo sự khác biệt về kinh khí của Âm Dõng, tức là khác biệt về sự nghẽn kinh. Tuy nghẽn kinh khác nhau nhưng vẫn có quan hệ với nhau. Quan hệ này đặc ứng trong nhiều phác đồ điều trị các bệnh lý xung.

Theo đó ta có:

· Thái Dịu ng nghịch vui Thái Âm.

· Thiệu Dịu ng nghịch vui Thiệu Âm.

· Dịu Minh Nghịch vui Quyết Âm.

Nguyên tắc này bao gồm cũng phái huyệt 10 trên và 10 dorsi.

(Xem thêm chi tiết ở phần Nguyên Tắc Điều Trị, mục Phái Huyệt Trên Dorsi).

2- Quan Hỗn Địu Danh

Trung-Trung-Canh trong sách ‘Thống Hàn Luân’, đưa vào số chuyen biến khí hóa của Thái Cực, đã chia các đường kinh thành Lục Kinh, đặc biệt là các đường kinh này, dù khác vị trí nhưng cùng tên. Theo đó ta có:

Lục Kinh

Kinh Thống Ống

Thái Âm

Thứ Thái Âm Phái + Túc Thái Âm Tù

Thiếu Âm

Thứ Thiếu Âm Tâm + Túc Thiếu Âm Thận

Quyết Âm

Thứ Quyết Âm Tâm Bào + Túc Quyết Âm Can

Thái Dương

Thứ Thái Dương Tiểu Trung + Túc Thái Dương Bàng Quang

Thiếu Dương

Thứ Thiếu Dương Tam Tiêu + Túc Thiếu Dương Đệm

Dương Minh

Thứ Dương Minh Đài Trung + Túc Dương Minh Vị

Cách phân chia này dựa theo đặc tính đồng danh và 1 số trên, 1 số dưới.

Nguyên tắc phân chia này đặc biệt áp dụng trong nguyên tắc châm 'đồng danh': bệnh ở 1 tạng phổi nào đó, có thể điều trị ở kinh có quan hệ đồng danh với nó.

Thí dụ: Bệnh liên hệ đờn mồ hôi. Theo biển chung, mồ hôi liên hệ đờn tạng Tâm (theo Nội Kinh: mồ hôi là đặc chất của Tâm) nhưng khi châm huyệt Phế Lungs (Th.7) của kinh Thận vẫn có hiệu quả vì Tâm và Thận đồng danh với nhau (Tử Thiếu U Âm Tâm và Túc Thiếu U Âm Thận).

Hoặc bệnh nhân bị phù do Tạng khí hàn (theo y lý, Tạng có chức năng chuyển vận thủy thấp), nhưng trên lâm sàng, chân dùng huyệt Liết Khuyết (P.7) vẫn có hiệu quả vì Tạng và Phổi đồng danh (Túc Thái Âm).

3) Quan hệ Biểu Lý

Quan hệ Biểu Lý đặc biệt xây dựng trên nguyên tắc: Kinh bên trong nội và kinh bên ngoài hoặc kinh của Tạng nội và kinh của Phổi. Thí dụ: Phổi - Đái Trì, Can - Đái...

Đây cũng là 1 trong số quan hệ giữa 1 kinh Âm (Lý - Tạng) và 1 kinh Dương (Biểu - Phổi).

Theo cách quan hệ này, khi có bệnh ở 1 kinh, có thể châm huyệt ở đồng kinh có quan hệ Biểu Lý đặc biệt mà vẫn có hiệu quả.

Thí dụ: chém ngón mũi. Theo biển chung, mũi chém có liên hệ với Phổi (theo Nội Kinh: Phổi khai khí ở mũi, nhưng trên thực tế lâm sàng cho thấy: châm huyệt Nghênh Họng (Đtr.20) + Họng Cáp (Đtr.4) vẫn có hiệu quả, vì Phổi và Đái trì có quan hệ Biểu - Lý với nhau.

4) Quan hệ Vị Tạng Phổi

Mỗi kinh thuộc tạng phổi nào điều có nhánh thông với tạng phổi đó, vì thế, khi tạng phổi đó bị

bệnh, có thể điều chỉnh ngay trên đường kinh tạng ống vận có hiệu quả.

Thí dụ: bàng đái, có liên hệ với tạng Tỳ, Vì vì theo Nói Kinh: Tỳ chấn tiêu hoá. Có thể chấn huyệt Công Tôn (Ty.4) cẩn kinh Tỳ hoặc huyệt Túc Tam Lý (Vi.36) cẩn kinh Vị.

5- Quan Hỗn Tạng Sinh

Mỗi quan hệ này dựa theo nguyên tắc tổng sinh cẩn Ngũ Hành. Theo đó ta có: Mộc sinh Hỏa, Hỏa Sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim Sinh Thủy, Thủy sinh Mộc.

Mỗi quan hệ này đặc áp dụng khá nhiều trong điều trị, nhất là nguyên tắc ‘Hỗn bù mộc’ và ‘Thổ cung tảo’.

5.a- Quan Hỗn Sinh Ra

Mộc sinh Hỏa thì Mộc là Mộc sinh ra Hỏa là Tỳ.

Trong trường hợp bệnh nhân bỗn bãnh chênh lệch Phế (lao phổi, phế quánh viêm mạn...), khi điều trị, vì tạng Phế quá suy, không thể trực tiếp cho Phế điều trị, trường hợp này, có thể chuyển khí cẩn Tỳ qua cho Phế vì Phế là con cẩn Tỳ (Dĩ Thổ sinh Kim).

5b. Quan Hỗn Độc Sinh

Mộc sinh Hỏa thì Hỏa (tỷ) đặc sinh ra tỷ Can (mộc). Quan hệ này đặc biệt dùng nhiều trong điều trị theo nguyên tắc ‘Thổ cung tảo’.

Thí dụ: trường hợp vào mùa Hè thời tiết bỗn nóng nực, tạng giòn. Tạng giòn liên hệ đến Can (Nói Kinh: Can chê nứt), tuy nhiên vì Can đang quá thắc, áp dụng nguyên tắc ‘Thổ cung tảo’, châm tảo cẩn kinh Tâm để điều hòa khí đang tắc tảo Can chuyển sang Tâm và Can sẽ bắt đầu đi.

6- Quan Hỗn Tạng Khắc

Quan hệ này dựa trên nguyên tắc ngũ hành tạng khắc. Theo đó ta có: Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc.

Quan hệ này đặc biệt dùng để khắc chênh lệch nhau trong trường hợp kinh khí cẩn 1 kinh hoặc tạng

phụ nào đó quá mức, có thể dùng khí cobra kinh hoặc tăng phổi tống khói vào nó để lọc chất sỏi quá trong đó.

Thí dụ: Lười sảng lỏng lỏn, do hít khí của Tâm vượng, khi điều trị có thể châm huyệt Thíu Hồi (Tm.3) là huyệt Thủy của Tâm để lý tháo khói hít.

Hoặc nếu rãnh sảng đau do nhiệt (hít) của Võ bốc lên, châm dùng huyệt Nǎi Định là huyệt Thủy của Võ đòn trấn...

Ví dụ về nguyên tắc ngũ hành tống khói có thể có 2 cách:

a) *Ta Khói*:

Tống Phổi bốc. Phổi là Kim. Theo ngũ hành tống khói: khi hành Mộc bốc xáo trán, Kim khói Mộc thì Kim là cái Ta Khói. Trong hít ngược bốc do phong khí hoạc do giãn dồn gây ra xáo trán hành Mộc cobra đòn kinh, có thể châm huyệt mang hành Kim để điều trị cho Mộc rút đi.

Thí dụ: 1 người đi xe mà nói chuya n nhịu, phong khí xâm nhập Phổi, làm cho Mộc khí cobra Phổi vượng gây nên ho khan, ho nhịu. Điều trị: xông huyệt Kinh Cử là huyệt Kim của Phổi để lý Kim khói Mộc.

b) *Khói Ta*:

Cũng Tống Phổi bốc. Phổi thuỷ Kim. Theo ngũ hành tống khói: Hỏa khói Kim thì Kim là cái bốc khói (Khói Ta). Trong hít ngược bốc ngược ngược, khó thở, ngực nhức bó chát lòi, do kim khí cobra Phổi quá vượng. Điều trị: châm huyệt Ngưu Thủ là hỏa huyệt của kinh Phổi để lý Hỏa khói Kim.

SƠ LIÊN HỆ GIỮA CÁC KINH

Có thể biểu diễn qua dưới hình sau:

VÙNG ĐẤU

THÁI ĐỘNG

Tiều Trị (

Bàng Quang

THỊU ĐỘNG

Tam Tiêu (

Đạm

DỘNG MINH

Đại Trị (

Vị

VÙNG NGỰC

THÁI ÂM

Ph

(T

QUYẾT ÂM

Tâm Bào

BCan

THIẾU ÂM

Tâm

(Th

Quan Hộ Trên Dưới Giữa Các Động Kinh

BIỂU ĐỘ LIÊN HỆ TỔNG QUÁT GIỮA CÁC KINH